TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2025.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngọc Sơn
Ông Võ Văn Hiện

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2025/QĐST–HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé H, sinh năm: 1981. Địa chỉ: 8 ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn H1, sinh năm 1981. Địa chỉ: 8 ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị Bé H trình bày:

Chị và anh Võ Văn H1 có đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống vợ chồng có được 03 con chung là Võ Thành N, sinh ngày 24/5/2004, Võ Khánh V, sinh ngày 02/8/2007, Võ Khánh V1, sinh ngày 02/8/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được được ly hôn với anh Võ Văn H1.

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung là Võ Khánh V và Võ Khánh V1 và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng. Cháu Võ Thành N đã tưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 27/02/2025 chị Nguyễn Thị Bé H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh Võ Văn H1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé H được ly hôn với anh Võ Văn H1.

- Về con chung: Võ Thành N, sinh ngày 24/5/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

+ Giao con chung tên Võ Khánh V, sinh ngày 02/8/2007 cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp theo nguyện vọng của cháu V. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Giao con chung tên Võ Khánh V1, sinh ngày 02/8/2007 cho anh H1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp theo nguyện cọng của cháu V1. Chị H không cấp dưỡng nuôi con chung do anh H1 không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1 Về mối quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Anh Võ Văn H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà H ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

2. Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé H và anh Võ Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 12/10/2009. Vì vậy, hôn nhân của chị H và anh H1 được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị H cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm nên mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ra Thông báo về phiên công khai, tài liệu chứng cứ và hòa giải để chị H và anh H1 tìm cách hàn gắn để được đoàn tụ. Tuy nhiên, chị H vẫn cương quyết ly hôn và anh H1 vắng mặt không có lý do và cũng không mong muốn hàn gắn đoàn tụ hoặc có ý kiến phản bác đối với yêu cầu của chị H. Do đó, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp.

2.2 Về con chung: Theo biên bản lấy ý kiến nguyện vọng của con chung ngày 27/02/2025, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân thì cháu Võ Khánh V có nguyện vọng sống chung với mẹ, cháu Võ Khánh V1 có nguyện vọng sống chung với cha. Do đó, giao cháu V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giao cháu V1 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng và chị H không phải cấp dưỡng do anh H1 không có yêu cầu. Cháu Võ Thành N đã trưởng thành không có yêu cầu nên không xem xét.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, anh H1 không có lời trình bày về tài sản, sau này có tranh chấp các bên có quyền yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bé H đối với anh Võ Văn H1.

Cụ thể tuyên:

1.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé H được ly hôn với anh Võ Văn H1. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ, chồng sau khi ly hôn do chị H không có yêu cầu.

1.2 Về con chung: Chị H và anh H1 có 03 con chung là Võ Thành N, sinh ngày 24/5/2004, Võ Khánh V, sinh ngày 02/8/2007, Võ Khánh V1, sinh ngày 02/8/2007. Sau khi ly hôn, cháu Võ Khánh V1 sẽ do anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng và chị H không phải cấp dưỡng do anh H1 không có yêu cầu, cháu Võ Khánh V sẽ do

chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh H1 không phải cấp dưỡng do chị H không có yêu cầu. Cháu Võ Thành N đã trưởng thành không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết chị H, anh H1 có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, anh H1 không có lời trình bày về tài sản, sau này nếu có tranh chấp các bên có quyền yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị Bé H có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng theo biên lai thu số 0008621 ngày 07/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú là đủ.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Thới Thạnh.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí